

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2019/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2019

THÔNG TƯ

**Quy định về việc liên thông giữa Tổ chức cung cấp dịch vụ
chứng thực chữ ký số quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ
chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ**

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định về việc liên thông giữa Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc liên thông giữa Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cá nhân, tổ chức sau:

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia;
2. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ;

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng;
4. Cơ quan, tổ chức và cá nhân sử dụng chữ ký số công cộng, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ;
5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phát triển ứng dụng sử dụng chữ ký số.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Chứng thư số gốc của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia” là chứng thư số do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia tự cấp cho mình.
2. “Chứng thư số gốc của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký chuyên dùng Chính phủ” là chứng thư số do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ tự cấp cho mình.
3. “Chứng thư số công cộng” là chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp cho thuê bao.
4. “Chứng thư số chuyên dùng Chính phủ” là chứng thư số do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cấp cho thuê bao.
5. “Chứng thư số SHA-1” là chứng thư số sử dụng hàm băm an toàn SHA-1 trong thuật toán ký chứng thư số.
6. “Chứng thư số SHA-256” là chứng thư số sử dụng hàm băm an toàn SHA-256 trong thuật toán ký chứng thư số.
7. “Chữ ký số công cộng” là chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư số công cộng.
8. “Chữ ký số chuyên dùng Chính phủ” là chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư số chuyên dùng Chính phủ.
9. “Mô hình công nhận chéo” là mô hình liên thông giữa hai tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, trong đó, các cơ quan, tổ chức và cá nhân sử dụng chứng thư số được cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số này tin cậy các chứng thư số gốc của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số kia và ngược lại.

Điều 4. Mô hình liên thông

Mô hình liên thông giữa Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ là mô hình công nhận chéo.

Các chứng thư số gốc tin cậy của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ được quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Điều 5. Danh sách các chứng thư số gốc tin cậy

1. Danh sách các chứng thư số gốc tin cậy bao gồm:

- a) Các chứng thư số gốc của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia;
- b) Các chứng thư số gốc của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

2. Danh sách các chứng thư số gốc tin cậy quy định tại khoản 1 Điều này được quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Quy định về các trường thông tin trong chứng thư số của thuê bao

1. Các trường thông tin trong chứng thư số công cộng và chứng thư số chuyên dùng Chính phủ phải tuân thủ quy định về định dạng và nội dung các trường thông tin trong chứng thư số của thuê bao tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

2. Các trường thông tin trong chứng thư số công cộng không thuộc quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này phải tuân thủ quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về định dạng chứng thư số công cộng.

3. Các trường thông tin trong chứng thư số chuyên dùng Chính phủ không thuộc quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này phải tuân thủ hướng dẫn của Ban Cơ yếu Chính phủ về định dạng chứng thư số chuyên dùng Chính phủ.

Điều 7. Quy định đối với chức năng ký số, kiểm tra hiệu lực chứng thư số, chữ ký số của các ứng dụng sử dụng chữ ký số

1. Đối với chức năng ký số: Ứng dụng phải cho phép người ký là thuê bao của các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng và thuê bao của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ thực hiện ký số.

2. Đối với chức năng kiểm tra hiệu lực chứng thư số, chữ ký số: Ứng dụng phải cho phép người ký, người nhận kiểm tra hiệu lực chứng thư số công cộng, chữ ký số công cộng và hiệu lực chứng thư số chuyên dùng Chính phủ, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ theo quy định tại các Điều 78 và 79 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia (Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia) có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ hướng dẫn việc thực hiện quy định về các trường thông tin trong chứng thư số của thuê bao; đảm bảo việc trao đổi các chứng thư số gốc tin cậy của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ chính xác và an toàn;

b) Công bố danh sách các chứng thư số gốc tin cậy của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia trên trang thông tin điện tử <http://www.rootca.gov.vn>;

c) Hàng năm rà soát, trình Bộ Thông tin và Truyền thông cập nhật, ban hành danh sách các chứng thư số gốc tin cậy khi có sự thay đổi về các chứng thư số gốc của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ có trách nhiệm:

a) Thực hiện hướng dẫn về các trường thông tin trong chứng thư số chuyên dùng Chính phủ;

b) Công bố danh sách các chứng thư số gốc tin cậy của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trên trang thông tin điện tử <http://ca.gov.vn>.

3. Các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng có trách nhiệm thực hiện quy định về các trường thông tin trong chứng thư số công cộng.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phát triển ứng dụng sử dụng chữ ký số có trách nhiệm thực hiện quy định đối với chức năng ký số, kiểm tra hiệu lực chứng thư số, chữ ký số của các ứng dụng sử dụng chữ ký số theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Các chứng thư số của thuê bao được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng cho đến khi hết hiệu lực hoặc được chủ động chuyển đổi để đáp ứng quy định về các trường thông tin trong chứng thư số của thuê bao theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.
2. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia, Thủ trưởng Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG**Nguyễn Mạnh Hùng**

(Kèm theo Thông tư số 04/2019/TT-BTTTT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Chứng thư số gốc tin cậy	Dạng PEM
1	Chứng thư số gốc của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia (chứng thư số SHA-1)	-----BEGIN CERTIFICATE----- MIIDlzCCAr+gAwIBAgIQG+Rzlh8+wI9Hn6bPNcWYlJANBgqhkiG9wOBAQUFADB+MQswCQYDVQQGEwJVTjEzMDEGA1UEChMqTWl1aXN0cnkgb2YgSW5mb3JtYXRpb24gYW5kiENvbW1lbm1jYXRpb25zMRSwGQYDVQLExJOYXRpb25hbCBDSBDZW50ZXIxHTAbBgNVBAMTFELJQyBOYXRpb25hbCBBSb290IENBMb4XDTA4MDUxNjAxMTI0OVoXDTQwMDUxNjAxMjowfjElMAKGA1UEBhMCVk4xMzAxYBgNVBAoTKKlpbm1zdhJ5IG9mIEluzm9ybWFOaW9uIGF1ZCBDb21tdW5pY2FOaW9uczEbmBkgALUECXMSTmFOaW9uYWwGQOEgQ2VudGVyMROwGwYDVQQDEXRNSUNMgTmFOaW9uYWwGUm9vdCBDQTCcASIdDQYJKoZIhvcNAQEBBQADggEPADCCAQoCggEBAKE/WVEO/JD/YduWeBSL2OM8Nr5hr9y1P2AeOwOBQa34yYpCj.sj.tMoZHXf61.9+rWRDcQESNICFFQquuVX6c41yY4ccwmFM0zhuzi.sj.q2.3EwQuZoFXLcz7Gv0umIv9CUDwYBebcUVtfePbKtK7mt3rzF7kAN/VbDCFm71Xfy3UJNOA++AoUb6w1mEHZOWGR+eRbS+HWOi0rcGxRrPcWh04Cdn7tSeYn1788fRI/+IhO/9QM9kmq7KZyp3Me8hstZ5cQotvdh781BPeCtLwtWr41kxQnOYhj.sH11wFozZ+wQB18G11vXDgZmjfaOYE5FjLvga2wIWSR18LBCL1vI1wED9MCAWEAAaNRME8wCYDVR0PBAQDAggGMA8GAlUdEwEB/wQFMAMBaf8wHQYDVROOBBYEFM1iceRhvf497LJAYNOBdd06rGvGMBAGCSsGAQQBgtj.cVAQQDAQEAMAOGCSqGSIb3DQEBAQA4IBAQBmnc1+IyCAHCjP8PHJ3xHKsm1to/JfDlN1nc9U4RxoKuBVF8QX

	Chứng thư số gốc của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia (chứng thư số SHA-256) 2

	YFDueuL7E6Up4cXler1qLvp3w+QZVR4r58IKvxVrtHaRiZUsbDa335dAlWjgaJI8 QWZ4HOHVZLQjrX+JkjdPJTmHNxumEkElrcSF3rXqUKZ/JMvqKeYl6jQDaH0CAwEA AaOCAScwgqEjMA4GA1UdDwEB/wQEAwIBhjAPBgNVHRMBAf8EBTADAQH/MB0GA1Ud DgQWBRR+8IfTsbiD+wiDb6QW/fG4rGKbAaGBqasBpjCBozELMAKGA1UEBhMCVn4xMzAxZG9uBAoMKk1p +wiDb6QW/fG4rGKbAaGBqasBpjCBozELMAKGA1UEBhMCVn4xMzAxZG9uBAoMKk1p bmlzdHJ5IG9mIEl1uZm9ybWFOaW9uIGFuZCBDb21tdW5pY2F0aW9ucgzE8MDoGA1UE CwwzTmFOaW9uYWwqZ2VudHJ1IG9mIERpZ210YWwgU2lnbmF0dXJ1IEF1dGhlbnRp Y2F0aW9uMSEwHwYDVQQDDDBhWawWObmFtIE5hdGlvbmFsIFJvb3QgQ0GCEQCVkrUM 7qlaJKa49x19MjtaMA0GCSCqGSIB3DQEBECwUAA4ICAQBNNunXKvYvaxzgOPbKsmJL Z1gqfipJeHzT74IzBHDgp8bgbLDtqf+PZV+w7DwvfZD8xuFKQJz9v5TDpz/CYwrhA +BUSxyMbzsS6Kv1lNa42Ja63B1EQ1AAVY+ZX3mFbVumOV43kLQgzQayYKPolql07Q xz3l2zgzhg4o436Vfek8Lrh/WcP5ezyC8Tt7VcaUOl/fuSaCPYvZbV7bZw/EyJ4x K1ud7Uq2Op54vSTegoh0+ZW28SQEGH49BjYjQTv56sTRolWZ4WxbHtbBJwTj7v1i ksebvv1joRYo9wg29AuY/Arw3NNhTyIbUFO75colaaF8i+5aAvmPQzfIk9m1bzK1 5Vok8t8Qnv8i4I42jDLbvzbZFQZHbLL8gj+LTHVZc9sfKmfhKH2HDSngb6UvKDuW HB5+XQ5QoSiyGVJOMeUYohPI6cghZXbIflHGyse9hbARM7UbrIsf/P//FDLlJ3UL 7+aLIk9fw6n7WyoWcgn+QxjfdxUM9VSCx705+uX/aN4y0g5LMNChDo2pBYUg6smm 8AOW2LIAMwOQ9U9TLnHO8Ovw3iku05rftSWwbYmyt15NsFp8LM/QONu9QqaMNNy2 3YbQZL1fformI9iowEpjDbWqU9YyH6oHpgjsBbSoR4G0IUsfxaDdE3CXIx48pRo1 SddeayvR5sdOsNrhJOAFwg== -----END CERTIFICATE-----
3	-----BEGIN CERTIFICATE----- MIID+DCCAUCgAwIBAgIJAP8wouTpCsHtMAOGCSqGSIb3DQEBBQUAMGsx CzAUBGNV BAYTA1ZOMROwGwYDVQQKDBRCYw4gQ28geWV1IENoaW5oIEBodTE9MDSGA1UEAw0 Q28gcXVhbBiBjaHVuZyB0aHVjIHNvIGNoZXllbiBkdW5nIENoaW5oIEBodSAoUm9v Chứng thư số gốc của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ (chứng thư số SHA-1)

		dENBKTAeFwOxMDAzMTAwNTQ1NTdaFwOzMDAzMDUwNTQ1NTdaMGsx CzAJBgNVBAYT ALZOMROwGwYDVQQKDBRCYw4gQ28geWV1IENoaW5oIHBodTE9MDSGAlUEAwOQ28g cXVhbBiBjaHVuZyB0aHVjIHNvIGNoZXllbiBkdW5nIENoaW5oIHBodSAoUm9vdENB KTCASIdQYJKoZIhvcNAQEBBQADggEPADCCAQoCggEBANrzvexkv gul 4dRU nV 6G McvLdenKr rzYnVp zIp78i jBMqWcG+cu+AJ S2Gb qYdb sO6JnaNLSxuxpM7Ue j iwi2 QBTe2NXIy4TtkadbI jPlQHUIetTYeLTESUwOvOEuwtAN2PvmoS p dEFfw4o06E3/M CtiM0fSRuyyXM8uu0EyYqUowfJbEDERqq1PeU0okutsgzUFTZkG/TM6WE97FMbA4 KC5stxG8SHCe4YFNrQIaM8Ozemdl1MIJaSHSvrv+EWR1TDeg02U18qb3aiamSX2 M7B3JMKedOoBo1UQkLc/ePqG2kKHVbc2plmePX5n1etCpM6+RUj pzvdkcihx xAUj JAcCAwEAAAOBnjCBmzAPBgNVHRMBAf8EBTADAQH/MB0GAlUdDgQWBBTZFxtrRoxe3 nvwt22H6eQD/WHsdXDAfBgNVHSMEGDAwGBTZFxtrRoxe3nvwt22H6eQD/WHsdXDAO BgNVHQ8BAf8EBAMCAQYwOAYDVROfBDEwLzAtOCugKYynaHR0cDovL2NhImdvdi52 bi9wa2kvcHVilL2Nybc9yb290Y2EuY3JsmAOGCSqSIlb3DQEBBQUAA4IBAQA b i v p v htC3w/9gWAh34UovGuSuWFDQOcmUTE xhhJiADII18E49WBTenLiC7oZhbl aFRQzW9 e6NNgkSrCy5pi k1gkdotgB+qx2b3s9CCj8VNywlADH9ziMmXPgyJLvOn9Tqb j7yT WT85Yc49erOnsDdvxSBqlJiiu/SGD6ZMda/mztJnkrteTaka2zw2i46rcwTSURjy YEJfpj/joxEcCqAubXwIdteNWjMhz07MrPXD a7OGdn7ppLpZEIHmSCZR+ULILt r d 3cTDAZRLIP9bnZglwc0bf4IY9ErVFZAPlnx6wxxIIOwP+JBRpf1TiKu73Q990Pmc pk92bAk68y20xRI1 -----END CERTIFICATE-----
4	Chứng thư số gốc của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ (chứng thư số SHA-256)	-----BEGIN CERTIFICATE----- MIIFpzCCA4+gAwIBAgII02WwoDAG+aswDQYJKoZIhvcNAQELBQAwYTELMAkGA1UE BHMCMV4xIzAhBgNVBAoMGkjhbiBDXqEgeeeG6v3UgQ2jDrW5oIHB04bunMS0wKwYD VQDDCRB290Q0EgY2h1eCOqbiBkw7luZyBDAmotbmggcgjhu6cgRzIwHhcNMTgw ODYMDczNjM5WhcNNDgwODEMDczNjM5WjBhMQswCQYDVQQGEwJWTTJjEjMCEGA1UE CgwaQmFuIEpGGoSB54bq/dSBDAmotbmggcgjhu6cxLTArBgNVBAMTJFJvb3RDQSBj

aHV5w6puIGTDuW5nIENow6l uacBwaOG7pyBHMj CCAi lWdQYJKoZlIhvcNAQEBBQAD ggIPADCCAgogIBAKU35IPgByE9Ui+W0oLSZKNRxwLudiJLAi cboYFz/2i2nmpE nDdPncAAhCf5NprFHWrwckuP8p+7NS6pRohM1kId6LweFSv7P47IWMlyFYpsiHKk 5xWbsgItv5yoQc2sqzS3gzuxGacBlP0h4CZndloI2kcOiTIhbxFpTwIT/YvdRAy PLIV/51xKC5r4ETOVIs5wMVskL29N0g9u4lvJmJez0Cb3v33FZ4mBRk0X0FAQwMw C7KxIoQKnZhTE35yYCEsk4Cp76pYQVMjVAZyeJ1R6YSCuc55LAWUET7o4NAudi.jZ TOJDO7PuUxQcsuv17rdk0pr+AGwi4b03FVQCY6oTclNcwEYVjf2ul3eEMxJKQJ/N NDhpvF9LAf7lpCYsQhbxz10Iqeqz15On+pSPqNKRncgjPfs0ek/8IpOoyc2diwJx AdFx2xjVrVS07mXM/G//cv8oWmBvq1/QD96gB6YsLc2DyIZuSHQzJGE312hn7/Gd qd+Vj9Pqxyt f5+G1dxdbWBLHQQ/aZD2kFX9A/jQGutd/CTCcs2UCemQnJn261Env1 UffQGX3m69n2DwM6O2QluagTxQYONCCEbv4rNy8MTwk7P1Bt8N7QaeIoYXn8GT7X HrS8AaNSa7qON7/TG5TlyfJt5JYp2asGVwBQ5onmltVvGHiHbscQ8dJB4CUhAqMB AAGjYzBhMA8GA1UdEWEB/wQFMAMBAf8wHwYDVR0jBBgwFoAUD3m69/O9+4YeExpe I1Jcqrpur1QwHQYDVR0OBBYEFHd5uvfzvfuGHhMaXiNSXKq6bq5UMA4GA1UdDwEB /wQEAwIBBjANBgkqhkiG9w0BAQsFAAOCAgEAhfZKfj1h6fTUr43i8seYh6EUiEvd Vd+D5k8iU5pfqT9CoZG1wm4TszJ6JQyok7c4OApKRYWT/cJkgI814FXN97rdTm/I zX2pU7Agae6j5mY0cozGq8YURYxpsjKdbccxcj6uK3wlHBRA2YsZgy5UJSRK5Qj9+ S2jjjq5zuQdT+Ir/YLMGidun3Nt9u2O5Xzg0aiAcvJ/6RHZQP13FjyqHXIPBd4xg+ Nlpfd0dQ1TkL/y+ykrTvdWlmoHd0jCd49vRzL58lyqYs6dp1teaNy/yd0MlH9O8d DKW30ccu9YA93wiDBZ/4koxLFn5ftRFz7P1Az2f5MA3jZPRuvn6Gv95dOBW4Ifnk B+uOno5b4SLMC4gwsAq4w8fdDW/D4QPY/kHiLy0oJ0JYLE8eY79/Sxz9VhPgFCo1 OK9YHiCCODpmg+oUWmpqt/zrEE7uc7+KUpQNTjxB+0cl0kESKdK+jOrJQlWmKegD zZ8+fM9AMkveSw22T9VJ0t8sl1QalFb0Y6kpszMd45vKp4Pc5MaoyJPfWMG4CaOP IOc8C8WGte4D1UzmlfdTyD+ZWO4Fb9xaHUhyewx6CacDyH5sTj oN1kZNie6awQVg 9RihjCzFStpnyCilbZiEep2bFDQhper6yHEHgtym8MtqT220YJ25NXofQ+5+r+Nf btkMVR+VUE5O2Bc= -----END CERTIFICATE-----	
--	--

09813295

2. Thông tin về khóa công khai trên các chứng thư số gốc tin cậy

STT	Chứng thư số gốc tin cậy	Thuật toán sinh khóa	Khóa công khai	
			Mô-đun n (Hexadecimal)	Số mũ công khai e (Hexadecimal)
1	Chứng thư số gốc của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia (chứng thư số SHA-1)	RSA 2048 bit	A1 3F 59 51 OE FE 30 FF 61 DB 96 78 14 8B DB 43 3C 36 BE 61 AF DC B5 3F 60 1E D3 OD 01 41 AD F8 C9 8A 42 8E C8 ED 32 86 47 C5 FE B5 F7 EA D6 44 37 10 12 C3 48 08 51 50 BA E5 57 E9 CE 35 C9 8E 1C 73 09 85 33 4C E1 BB 38 AC 8E AD B7 13 04 2E 66 81 57 2D CC FB 1A FD 2E 9C 8B FD 09 40 F0 60 17 9B 71 45 6D 7D E3 DB 2A D2 BB 9A DD EB CC 5E E4 00 DF D5 6C 30 85 9B BD 57 7F 2D D4 24 D3 80 FB E0 28 51 BE B0 D6 61 07 CC E5 A0 47 E7 91 6D 2F 87 58 E8 B4 AD C1 B1 46 B3 DC 5A 1D 38 09 D9 FB B5 27 98 9E 5E FC F1 F4 48 FF E8 A1 3B FF 50 33 D9 26 AB B2 99 62 9D CC 7B C8 52 4D 9E 5C 42 8B 6F 74 7E FC 94 13 DE OA D2 F0 B5 6A F8 96 4C 50 9C E6 21 8E C1 E5 97 01 4E CD 9F B0 40 19 7C 1B 59 6F 5C 38 19 9A 37 DA D1 81 39 16 32 EF 81 AD B0 21 6B 11 97 C2 C1 08 BD 6F 23 5C 04 0F D3	01 00 01
2	Chứng thư số gốc của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia (chứng thư số SHA-256)	RSA 4096 bit	B8 AC 5A 7B 08 30 D9 70 7A 69 F5 1F E3 37 95 4E 14 03 97 F1 BD C6 3E 7A 52 84 FE F0 A6 D6 EC 17 88 8E 45 1E BF 09 54 98 AE 7F 8F 81 D0 68 8B 8D 83 B8 3D A2 24 1A 53 61 AD ED 63 3F 7D 34 7C A7 F3 E4 41 3E F2 CE E6 34 B8 BC D2 C5 43 B7 77 C2 F1 06 71 51 87 3F F9 56 79 3A 71 F5 9C B1 95 30	01 00 01

			08 48 14 FC B1 EB 9D 5B 91 8C 86 2C 7D F7 5C DD 80 E0 50 99 1C 6E 79 F1 46 AE B3 4C 5F 41 1B 6C 47 DD FD C2 EB C0 B8 63 7C 84 45 A7 B9 30 2B A4 A4 D1 0B 5E 1E 86 72 D4 51 D8 59 12 84 57 88 4F 32 54 65 28 2E 08 42 49 02 3E 6A 61 6D EB 6A 42 6E 77 85 E3 14 55 60 32 79 7A FB BF OF 63 1B E5 00 0F 28 15 0A D4 6C 0C B0 5A AE 8B CE 7E B3 72 9A 3E 39 9B 96 7C 5E CD 15 51 84 70 0B 43 B8 DD 68 CA FB 2D F8 7E BC 7F A8 22 67 8F 9D 28 8E 1D 05 CA C5 91 82 7E A6 D7 FD F3 E0 DE BF F2 23 EA 89 E3 38 B8 15 80 4F FA 2F 0A 6B 0C 85 58 ED 7D 2F 76 A1 86 EC D6 E1 EA 06 9E BA 00 86 E7 F9 98 B4 85 64 1E 1C 0F 2B E2 9C 4C F1 13 61 92 43 63 14 F7 AD 42 1A 85 A6 21 D5 0A 7E 2D F1 03 5D 32 48 D9 71 8A 7B 2F 65 06 49 85 81 D1 A9 65 8E B9 A7 7C 6F AD 85 BE 34 77 1C 6E D3 EC 47 EB 30 72 EB 86 45 5E D4 3F F9 DD 99 15 F4 F0 68 9A 31 37 CA AE 44 7B 57 94 6F 7D EA C3 89 0F EF 7B 37 EA DA 10 CF 1E 2C C5 6A AC 6D 22 64 D4 BB CC 05 BD 71 9B A3 5D 61 B2 BA 8B 09 A2 90 C5 94 E8 A2 76 29 EC 40 95 60 50 EE 7A E2 FB 13 A5 29 E1 C5 E5 7A BD 6A 2E FA 77 C3 E4 19 55 1E 2B E7 C2 0A BF 15 6B B4 76 91 89 95 2C 6C 36 B7 DF 97 40 95 68 E0 68 92 3C 41 66 78 1C E1 D5 64 B4 23 AD 7F 89 92 30 CF 25 33 07 37 1B 8C 12 41 25 AC 24 85 DE B5 EA 50 A6 7F 24 CB EA 29 E6 35 EA 34 03 68 7D
3	Chứng thư số gốc của Tổ chức cung cấp dịch vụ	RSA 2048 bit	1B 8A FA 6F 86 D0 B7 C3 FF 60 58 08 77 E1 4A 2F 1A E4 94 C0 50 D0 39 C9 94 4C 4C 61 84 98 80 0C

	chứng thư chữ ký số chuyên dùng Chính phủ (chứng thư số SHA-1)		8D 7C 13 8F 56 05 37 8D D6 20 BB A1 98 5B D5 A1 51 43 35 BD 7B A3 4D 82 44 AB OB 2E 69 8A 4D 60 91 D3 AD 80 1F AA C7 66 F7 B3 D0 82 8F C5 4D CB 09 40 OC 7F 73 88 C9 97 3E OC 89 2E FD 27 F5 3A 81 8F BC 93 59 3F 39 61 CE 3D 7A BD 27 B0 37 6F C5 20 6A 94 98 A2 BB F4 86 OF A6 4C 75 AF E6 CE D2 67 92 BB 5E 4C 09 1A DB 3C 36 8B 8E AB 73 04 D2 51 18 F2 60 42 5F A6 3F E3 A3 11 1C OA AO 2E 6D 7C 08 76 D7 8D 5A 33 21 CF 4E CC AC F5 C3 6B B3 86 76 7E E9 A4 BA 59 10 81 E6 48 26 51 F9 42 C8 2E DA DD DD C4 C3 03 34 65 20 FF 5B 37 38 35 C1 CD 1B 7F 82 18 F4 4A D5 15 90 OF 96 7C 7A C3 1C 48 20 E5 A9 F8 90 51 A5 FD 53 88 AB BB DD OF 7D D0 F9 9C A6 4F 76 6C 09 3A F3 2D B4 C5 12 25	
4	Chứng thư số gốc của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ (chứng thư số SHA-256)	RSA 4096 bit	85 F6 4A 7E 3D 61 E9 F4 D4 AF 8D E2 F2 C7 98 87 A1 14 88 4B DD 55 DF 83 E6 4F 22 53 9A 5F A9 3F 42 A1 91 B5 C2 6E 13 B3 32 7A 25 OC A8 93 B7 38 38 0A 4A 45 85 93 FD C2 64 80 8F 35 E0 55 CD F7 BA DD 4E 6F C8 CD 7D A9 53 B0 20 69 EE A3 E6 66 34 72 8C C6 AB C6 14 45 8C 69 B2 32 9D 6D CC 5C 8F AB 8A DF 09 47 05 10 36 62 C6 60 CB 95 09 B1 12 B9 42 3F 7E 4B 68 E3 AB 9C EE 41 D4 FE 22 BF D8 2C C1 A2 76 E9 F7 36 DF 6E D8 EE 57 CE OD 1A 88 07 2F 27 FE 91 1F 34 OF 97 71 63 CA A1 D7 20 FO 5D E3 18 3E 36 5A 5F 77 47 50 D5 39 OB FF 2F B2 92 B4 EF 75 69 66 D0 77 74 8C 27 78 F6 F4 73 2F 9F 25 CA A6 2C E9 DA 75 B5 E6 8D CB FC 9D D0 C9 47 F4 EF 1D OC A5 B7 D1 C7 2E F5 80 3D DF 08	01 00 01

Phụ lục II

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG THÔNG TIN TRÊN CHỨNG THƯ SỐ CỦA THUẾ BAO

(Kèm theo Thông tư số 04/2019/TT-BTTTT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Trường	Ý nghĩa	Quy định	
			Chứng thư số công cộng	Chứng thư số chuyên dùng Chính phủ
1	Version	Phiên bản của chứng thư số	Version 3 (value = 2)	
2	Serial Number	Số hiệu chứng thư số	Số nguyên dương ngẫu nhiên xác định duy nhất một chứng thư số do CA cấp cho thuế bao, độ dài không quá 20 octet (byte)	
3	Signature	Thuật toán ký chứng thư số của CA	Theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số đang có hiệu lực	
4	commonName	Tên của CA cấp chứng thư số	Tên giao dịch của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng trong hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số	Tên sub-CA của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ
		Tên của tổ chức/doanh nghiệp vận hành CA	Tên của doanh nghiệp được cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng	Ban Cơ yếu Chính phủ
	countryName	Tên nước	VN	

09813295

5	Validity	notBefore	Thời điểm có hiệu lực của chứng thư số	- Trước năm 2050: UTCTime. - Từ năm 2050 trở đi: GeneralizedTime. - Trước năm 2050: UTCTime. - Từ năm 2050 trở đi: GeneralizedTime.
		notAfter	Thời điểm hết hiệu lực của chứng thư số	
6	Subject	userID	Định danh của thuế bao	MST: [mã số thuế] hoặc MNS: [mã quan hệ ngân sách] hoặc BHXH: [mã số bảo hiểm xã hội] hoặc CMND: [số chứng minh nhân dân] hoặc HC: [số hộ chiếu] hoặc CCCD: [số thẻ căn cước công dân] <i>Các trường hợp khác theo thỏa thuận giữa thuế bao và tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số.</i>
		commonName	Tên của thuế bao	Tên của thuế bao được cấp chứng thư số
		organizationName	Tên của tổ chức/đơn vị quản lý thuế bao	Tên của tổ chức/đơn vị quản lý thuế bao (nếu có)
		stateOrProvinceName	Tên tỉnh/TP nơi sống/làm việc của thuế bao	Tên của tỉnh/TP nơi sống/làm việc của thuế bao bằng tiếng Việt, có dấu, các chữ cái đầu viết hoa.
		countryName	Tên nước	VN
7	SubjectPublicKeyInfo	algorithm	Thuật toán sinh khóa	Theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số đang có hiệu lực
		subjectPublicKey	Khóa công khai của thuế bao	Theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số đang có hiệu lực
8	signatureAlgorithm		Thuật toán ký chứng thư số của CA	Cùng thuật toán tại trường số 3
9	signatureValue		Chữ ký số của CA trên chứng thư số	Chữ ký số của CA trên chứng thư số